

Số : 294/QĐ-TTYT

Nam Định, ngày 13 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công khai kế hoạch, dự toán mua vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên năm 2024 -2025 của Trung tâm Y tế thành phố Nam Định

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH-15 NGÀY 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược- VTYT-TTB.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai kế hoạch, dự toán mua vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên năm 2024 -2025 của Trung tâm y tế thành phố Nam Định (Kèm theo Quyết định phê duyệt kế hoạch, dự toán).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Giám đốc, phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng trong Trung tâm có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- P KHTC; (Đề B/c);
- Lưu TCKT, Dược, KHN.V.



Nguyễn Thị Nhung

Số: 283/QĐ-TTYT

Nam Định, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch, dự toán mua vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên năm 2024 - 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Nam Định

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH-15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ qui định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính qui định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà Nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà Nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Căn cứ nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022 -2025 cho 15 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở y tế tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định Trung tâm Y tế thành phố tại Tờ trình số 282/TTr-TTYT ngày 10/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch, dự toán mua vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên năm 2024 - 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Nam Định, với nội dung như sau:

1. Kế hoạch mua sắm:

a) Danh mục mua vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên năm 2024 - 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Nam Định (có phụ lục chi tiết kèm theo).

b) Thời gian thực hiện mua sắm, lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng: 15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Dự toán kinh phí mua sắm: **1.721.976.810 đồng.** (Một tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm mười đồng chẵn./.)

Trong đó:

- Chi phí mua sắm: 1.691.758.810 đồng.
- Chi phí khác: 30.218.000 đồng.

3. Nguồn kinh phí: Từ Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị.

Điều 2. Giao Phòng kế hoạch Trung tâm phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Phòng kế hoạch Trung tâm và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: KH, VT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhung



Danh mục mua vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên năm 2024 - 2025

(Phụ lục kèm theo Quyết định số: 283/QĐ-TTYYT ngày 10 tháng 5 năm 2024)

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kim luân mạch máu người lớn (22G)	- Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Ống catheter có 2 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cánh có cổng bơm thuốc bổ xung, dễ dàng mở nắp. - Khoang báo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - Kích cỡ 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 36ml/ min.	Cái	100cái/ 1 hộp	3600	14.700	52.920.000
2	Kim luân mạch máu trẻ em (24G)	- Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Ống catheter có 2 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cánh có cổng bơm thuốc bổ xung, dễ dàng mở nắp. - Khoang báo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 22ml/ min.	Cái	100cái/ 1 hộp	100	14.700	1.470.000
3	Kim nha khoa các loại, các cỡ	Kim sắc nhọn giảm thiểu sự khó chịu cho bệnh nhân, chịu bền tốt khó gãy ngay cả khi bệnh nhân cử động mạnh trong khi tiêm. Khả năng cố định chắc chắn. Cỡ kim được phân biệt bằng màu sắc trên đốc kim.	Cái	100cái/ 1 hộp	500	2.200	1.100.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis).	mL	Can 3,78 lít	56000	250	14.000.000
5	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích với nhiều loại dụng cụ	mL	Chai 1 lít	15000	620	9.300.000
6	Phim X-quang khô 20 x 25 cm	Phim khô laser cỡ khoảng 20x25cm tương thích máy in phim khô DryPix Smart tại bệnh viện, sử dụng công nghệ thân thiện môi trường. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Tờ	150 tờ/ hộp	6600	15.100	99.660.000
7	Phim X-quang khô 25 x 30cm	Phim khô laser cỡ khoảng 25x30cm tương thích máy in phim khô DryPix Smart tại bệnh viện, sử dụng công nghệ thân thiện môi trường. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Tờ	150 tờ/ hộp	8000	23.100	184.800.000
8	Giấy in điện tim 6 cần đóng gói dạng tập	Kích thước: 110mmx140mmx143 tờ/tập Giấy có dòng kẻ	Tập	60 tập/ thùng	1000	35.200	35.200.000
9	Giấy in điện tim 3 cần cuộn	Giấy điện tim cuộn có kẻ ô Kích thước: 80mmx20m	Cuộn	150 cuộn/ thùng	600	20.200	12.120.000
10	Giấy in siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony UP-X897MD, UP-D897MD, UP-X898MD, UP-D898MD. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn giấy in. Kích thước 110mm x 20 m. Quy cách đóng gói : Hộp/10 cuộn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	10 cuộn/hộp	185	152.000	28.120.000
11	Giấy in nhiệt dạng cuộn	Giấy trơn màu trắng, kích thước 57mm	Cuộn	10 cuộn/hộp	175	10.100	1.767.500

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
12	Bông y tế	- Bông sơ tự nhiên, bông màu trắng. - Chất tan trong ether $\leq 5\%$ - Chất tan trong nước $\leq 5\%$ - Độ ẩm $\leq 8\%$ - Tro Sunfat $\leq 4\%$ - Khả năng hút nước $\geq 100g$ - Tốc độ chìm $\leq 8s$ - Chất hoạt động bề mặt < 2 - Giới hạn Acid kiềm (pH) : không màu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Gói	1 kg/gói	150	160.000	24.000.000
13	Kim châm cứu các loại, các cỡ	- Kim đốc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt. - Đường kính: 0.16-0.45(mm), Chiều dài: L: 13-75(mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10 cái/túi	370000	470	173.900.000
14	Canuyn mayo các số	- Không độc hại, linh hoạt và không gây kích ứng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	1 cái/túi	20	6.600	132.000
15	Đầu côn xanh	- Được sản xuất bằng nhựa PP. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	500 cái/túi	6500	80	520.000
16	Đầu côn vàng	- Chất liệu: Polypropylene, phù hợp với các loại Micropipet thông thường. - Đầu côn có thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipet, độ dài $\geq 4cm$. - Thể tích khoảng 200ul ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1000 cái/túi	6000	40	240.000
17	Ống nội khí quản có bóng các số	- Chất liệu: Chất liệu nhựa mềm, dễ uốn cong nhưng không bị gấp giúp hạn chế gây tổn thương khí quản của bệnh nhân có bóng chèn (cuffed) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	20	15.050	301.000
18	Sonde nelaton	- Bằng nhựa y tế, đầu hờ với 2 lỗ. - Ống dài khoảng 40cm ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	60	9.600	576.000
19	Mặt nạ xông khí dung	- Nhựa PVC nguyên sinh - Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$ - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1 bộ/túi	20	12.500	250.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
20	Bóng đèn hồng ngoại 220V-250W	- Công suất: 250W - Đui đèn: Đui xoay - Màu sắc: Màu Đỏ - Chất Liệu: thủy tinh - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Cái	1 cái/hộp	17	71.000	1.207.000
21	Ống thông dạ dày các số	- Kích cỡ: 6FG, 8FG, 10FG, 12FG, 14FG, 16FG - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	30	4.100	123.000
22	Ống Sonde Foley 2 nhánh (xông thông tiểu 2 nhánh)	- Nguyên liệu: 100% cao su tiền lưu hóa với catheter được xử lý bằng dầu silicon y tế cao cấp. - Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	150	15.500	2.325.000
23	Điện cực tim nền xốp người lớn	Hình dạng giống giọt nước, kích thước 35 mm, tổng bề mặt sản phẩm 1017 mm ² , vùng chất gen 401 mm ² , vùng dán 616 mm ² , vùng phân tử nhậy 78,5 mm ² , độ dày sản phẩm 0,8 mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13585	Cái	100 cái/túi	300	3.850	1.155.000
24	Bộ súc rửa dạ dày	- Làm từ mù cao su tự nhiên. - Kích cỡ: 22mm và 28mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	1 bộ/túi	10	111.000	1.110.000
25	Thông hậu môn các cỡ	- Các số: 22,24,26,28. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	1 cái/túi	40	4.100	164.000
26	Lam kính 7102	- Kích cỡ: 1.0-1.2mm, 25.4 x 76.2mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	72 cái/hộp	504	265	133.560
27	Lammen 22mmx22mm	Làm bằng thủy tinh borosilicate chịu hóa chất, hoàn toàn không màu, phù hợp cho kính hiển vi huỳnh quang, Kích thước 22mmx22mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương.	Miếng	100 cái/hộp	50	1.550	77.500
28	Bột bó 15cm x 4,6cm	- Làm từ bột thạch cao (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). - Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1 cuộn/túi	70	20.500	1.435.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
29	Lưỡi dao mổ các cỡ	- Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. - Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. - Tương thích với mọi loại cán dao mổ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	850	1.100	935.000
30	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	- Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, bơm tiêm đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$. - Kim làm bằng thép không gỉ. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	100	660	66.000
31	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	- Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	92000	670	61.640.000
32	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	- Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	36000	970	34.920.000
33	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	- Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	950	1.780	1.691.000
34	Bơm cho ăn 50ml	- Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	50	3.560	178.000

ĐINH T. NAM
4
HNG

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
35	Kim lấy thuốc (Kim tiêm) các số	- Kim cấu tạo thép không gỉ. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	36700	320	11.744.000
36	Túi đựng nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml không có dây treo, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10 cái/túi	100	5.300	530.000
37	Dây hút dịch (nhót)	- Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. - Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	100	2.700	270.000
38	Dây thở oxy người lớn	- Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. - Gồm các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	420	5.700	2.394.000
39	Dây thở oxy trẻ em	- Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. - Gồm các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	30	5.700	171.000
40	Bơm kim tiêm tiểu đường các loại, cỡ 100IU/1ml	- Đầu kim vát 3 mặt chính xác, phủ Silicon, nút chặn pít tông và ống tiêm trong suốt, vạch chia lớn dễ đọc - Không chứa chất dị ứng, không chứa latex - Tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	92000	2.450	225.400.000
41	Bơm kim tiêm tiểu đường các loại, cỡ 40IU/1ml	- Đầu kim vát 3 mặt chính xác, phủ Silicon, nút chặn pít tông và ống tiêm trong suốt, vạch chia lớn dễ đọc - Không chứa chất dị ứng, không chứa latex - Tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	45000	2.450	110.250.000
42	Que đê lưỡi gỗ	- Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	9000	270	2.430.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
43	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5m x 5cm	- Băng vải lụa màu trắng. - Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Kích thước đúng: 5cm x 5m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1 cuộn/hộp	450	42.500	19.125.000
44	Bộ kim cánh bướm các số	- Nhựa nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. - Dây dài $\geq 300\text{mm}$ - Cỡ kim 23G x $\frac{3}{4}$ ", 25G x $\frac{3}{4}$ " - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1 cái/túi	1700	1.200	2.040.000
45	Dây truyền dịch liền kim cánh bướm, có nhánh bơm thuốc sử dụng 1 lần	- Dây dẫn: Dài $\geq 1500\text{mm}$, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao. - Có cổng tiêm thuốc cao su. - Van thoát khí (van lọc khí): Nhựa nguyên sinh, có thiết kế màng lọc khuẩn $0.2\mu\text{m}$ vô khuẩn làm từ chất liệu vải PP không dệt. - Bầu đếm giọt dung tích $\geq 8.5\text{ml}$. - Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. - Có màng lọc dịch $15\mu\text{m}$. - Kim 2 cánh bướm 23G. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1 bộ/túi	7000	4.620	32.340.000
46	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	- Kích thước: + Chiều dài: Size 6½: 275±5mm, Size 7; 7½ và 8: 282±7mm; + Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6½: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 7½: 95±5mm, Size 8: 102±6mm; + Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ: ~ 0,15÷0,18mm - Các cỡ 6½: 16,5g; 7,0: 18,5g; 7½: 20,5g; 8,0: 23g, Cỡ 6½: 16,5g; 7,0: 18,5g; 7½: 20,5g; 8,0: 23g. - Tiệt trùng bằng khí E.O - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Đôi	1 đôi/túi	6300	4.400	27.720.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
47	Găng kiểm tra dùng trong y tế không bột các cỡ	- Kích thước: + Độ dày tối thiểu 1 lớp (Vùng ngón tay: 0,11 mm ± 0,02 mm, + Lòng bàn tay: 0,10 mm ± 0,02 mm, + Độ dày cổ tay: 0.08mm, + Chiều dài: 240mm, - Size S: 85mm ± 5 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Đôi	50 đôi/hộp	132000	1.470	194.040.000
48	Oxy được đựng bình 40L	- Oxygen ≥ 99,5% (tt/tt) , - Tạp chất: H ₂ O ≤ 60 mg/l, - CO ₂ ≤ 0,03% (tt/tt), - CO ≤ 5/triệu (tt/tt); - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc tương đương	Bình		10	100.000	1.000.000
49	Bình Oxy y tế 10 lít	- Oxygen ≥ 99,5% (tt/tt) , - Tạp chất: H ₂ O ≤ 60 mg/l, - CO ₂ ≤ 0,03% (tt/tt), - CO ≤ 5/triệu (tt/tt); - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc tương đương	Bình		16	50.000	800.000
50	Khí oxy lỏng	- Oxygen ≥ 99,6% (tt/tt), - Tạp chất: H ₂ O ≤ 60 mg/l, - CO ₂ ≤ 0,03% (tt/tt), - CO ≤ 5/triệu (tt/tt); - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc tương đương	Kg		6000	12.000	72.000.000
51	Ống lưu mẫu máu kháng đông EDTA	- Ống làm bằng nhựa PP (polypropylene). Nắp làm bằng nhựa LDPE. - Ống có chứa hóa chất kháng đông E.D.T.A (ethylene-diain-tetra-acetic) tỉ lệ 10% (chống đông cho 2ml máu), được bơm phun sương: nắp nhựa màu xanh dương, nhãn màu xanh dương, chịu được lực quay ly tâm 3000-6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	25000	910	22.750.000
52	Ống nghiệm nhựa PP có nút	- Làm từ nhựa PP, có đóng nút, trên ống không có nhãn. - Kích thước ống: + 12 x 75mm (kích thước trong), + 13 x 75mm (kích thước ngoài), - Đựng tối đa 5ml mẫu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	9000	470	4.230.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
53	Ống chứa máu kháng đông có hạt bi	- Làm từ nhựa PP, nút làm bằng nhựa LDPE. - Kích thước ống: 13 x 75mm (kích thước ngoài), 12 x 75mm (kích thước trong). - Bên trong có chứa các hạt hình bi tẩm hóa chất có tác dụng tách huyết thanh huyết tương, dùng cho 5ml mẫu máu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	6000	760	4.560.000
54	Ống nghiệm thủy tinh xét nghiệm nước tiểu	- Chất liệu: Thủy tinh - Kích thước: size Ø16mm – chiều dài 160mm – độ dày 0.8mm hoặc tương đương	Cái	1000 cái/thùng	4000	1.550	6.200.000
55	Gel siêu âm	- Gel bôi trơn gốc nước được dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	5 lít/can	174	96.000	16.704.000
56	Gel bôi trơn âm đạo	- Dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tuýp	80ml/tuýp	5	76.000	380.000
57	Cloramin B	- Hàm lượng Clo hoạt động: 25-27%, - Hàm lượng NaOH dư tối đa 0,8%. - Hàm lượng Pb tối đa 0.02%, - Hàm lượng As tối đa 0.001 mg/l - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Kg	25kg/thùng	100	162.000	16.200.000
58	Viên nén khử khuẩn	- Thành phần: Natri Dichloroisocyanurate khan 50%, các thành phần khác 50% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Viên	100 viên/hộp	2800	5.550	15.540.000
59	Javen	Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng	Lít	30 lít/can	50	13.000	650.000
60	Cồn 90 độ	- Cồn 90 độ, trong suốt không màu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	30 lít/can	800	30.500	24.400.000
61	Dung dịch sát khuẩn Povidone iodine 10%	- Dung dịch màu nâu sẫm, dùng để khử trùng - Đạt ISO 9001 hoặc tương đương	Chai	20 ml/chai	85	100.000	8.500.000
62	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 3/0 có kim	- Chỉ số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. - Kim thép - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	1 sợi/gói	50	14.300	715.000
63	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 4/0 có kim	- Chỉ số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. - Kim thép - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	1 sợi/gói	50	17.900	895.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
64	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 2/0 có kim	- Chỉ số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	1 sợi/gói	50	16.400	820.000
65	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 3/0 có kim	- Chỉ số 3/0b, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	1 sợi/gói	50	15.500	775.000
66	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 5/0 có kim	- Chỉ số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	1 sợi/gói	100	19.000	1.900.000
67	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 2/0 có kim	- Chỉ số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm - Kim thép - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	1 sợi/gói	80	48.100	3.848.000
68	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 3/0 có kim	- Chỉ số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. - Kim thép - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	1 sợi/gói	50	48.100	2.405.000
69	Dầu Parafin	Dạng lỏng không màu, trong suốt, không mùi, không vị. Nó có thể hòa tan trong ether, cloroform, xăng và benzen nhưng không thể hòa tan trong nước và ethanol. Sử dụng để sát khuẩn dụng cụ y tế	Lít	50 ống/hộp	10	51.000	510.000
70	Sáp (Paraffin)	Thành phần gồm có hợp chất của parafin và polymers. Không có dimethyl sulfoxide (DMSO). Nhiệt độ nóng chảy đa dạng từ 52 đến 62 độ C.	Kg	50 kg/bao	600	66.000	39.600.000
71	Dây garô	Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng làm sưng rất trong quá trình sử dụng	Cái	10 cái/túi	100	3.600	360.000
72	Gạc hút y tế khổ 0,8m	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Mét	200 mét/tập	1000	4.700	4.700.000
73	Băng cuộn 9cm x 2,5m	- Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	10 cuộn/túi	1000	1.200	1.200.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
74	Bông gạc đắp vết thương 8 x 15cm không vô trùng	- Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. - Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Sản phẩm không tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 hoặc tương đương	Miếng	1 miếng/gói	25	1.650	41.250
75	Viên nén tan chậm xử lý nước	Công thức hóa học: C3Cl3N3O3 hoặc [CINCO]3 Hàm lượng Clo khoảng 90% (TCCA 90%) Hình thái: Dạng viên trắng, có mùi đặc trưng, tan chậm trong nước	Viên	100 viên/lọ	400	21.000	8.400.000
76	Ống nghiệm thủy tinh xét nghiệm máu	Chất liệu: Thủy tinh Kích thước: size Ø12mm – chiều dài 80mm – độ dày 0.8mm	Cái	1000 cái/thùng	4500	610	2.745.000
77	Kim quang sử dụng cho máy Laser nội mạch	- Kết hợp với kim luồn, dùng trong laser nội mạch. - Đóng gói tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485	Cái	50 cái/hộp	800	31.000	24.800.000
78	Ống thổi Máy đo chức năng hô hấp	Kích thước 28x60mm	Cái	100 cái/ hộp	1000	2.600	2.600.000
79	Dây máy điện châm	Sử dụng tương thích với máy điện châm tại đơn vị	Cái		230	11.000	2.530.000
80	Chổi rửa ống nghiệm	Độ dài lông chổi phù hợp để rửa các loại ống nghiệm có đường kính nhỏ đến trung bình, dễ dàng vệ sinh các loại ống nghiệm có nhiều kích thước khác nhau. Thân chổi không rỉ sét. Phần cuối đuôi chổi thiết kế dạng móc treo giúp dễ dàng bảo quản, treo chổi.	Cái	1 cái/túi	40	50.500	2.020.000
81	Cốc đựng huyết thanh Sample Cup	Thích hợp cho Máy Hitachi, Chất liệu nhựa PS, kích thước 16*38mm, 2.5-3ml.	Cái	500 cái/túi	3000	600	1.800.000
82	Giấy lọc Ø11 cm	Giấy lọc sử dụng trong thí nghiệm	Tờ	100 tờ/ hộp	500	1.550	775.000
83	Kim chích máu (Lancet tay PT)	- Thân kim dạng dẹp phù hợp với nhiều mẫu bút lấy máu. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Cái	200 cái/hộp	500	230	115.000

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
84	Que gỗ tiết trùng lấy bệnh phẩm (làm Pap)	Que lấy mẫu bệnh phẩm được làm từ nhựa thông đã trích nhựa, dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung. Đã tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/hộp	200	1.100	220.000
85	Que tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm	Chất liệu ống, nắp, que bằng nhựa hoặc gỗ đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiết trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	Cái	100 cái/túi	700	1.500	1.050.000
86	Test thử đường máu	Sử dụng tương thích với máy thử đường huyết tại đơn vị	Cái	25 que/hộp	1300	11.000	14.300.000
87	Kim chích máu đường	Sử dụng tương thích với máy thử đường huyết tại đơn vị	Cái	25 cái/hộp	1300	2.100	2.730.000
Tổng cộng: 87 khoản							1.691.758.810

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm mười đồng./.